

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 7 – 2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Xuân Thuần
2. Ông Điều Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXX - ST ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kim N, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh M, sinh năm 1993 (vắng nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Kim N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/9/2016, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, anh M nghiện ma túy (loại ma túy đá) nên hay đánh đập chị N, có lúc phải nhập viện. Chị N đã cho anh M nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh M vẫn chứng nào tật đó, hiện chị N đã về nhà mẹ ruột sống được hai

tháng nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh M.

*Về con chung:* Chị và anh M có một người con chung tên Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 09/4/2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai ngày 26/5/2020 bị đơn anh Nguyễn Thanh M trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh M đồng ý anh và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2016 tại UBND xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh M thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, xô xát nhau nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có lời lẽ xúc phạm anh M. Nay chị N vẫn nhất quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do anh M bên đạo Công giáo nên vợ chồng không được ly hôn nên anh không thể ký thuận tình ly hôn với chị N mà đề nghị để Tòa án giải quyết đơn phương theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

*Về con chung:* Anh đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 09/4/2017 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Mạnh Tường.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh M và yêu cầu được giải quyết về con chung khi ly hôn. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con ”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Q, xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kim N và anh Nguyễn Thanh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 28/9/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2016. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh M đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, anh M có hành vi bạo lực gia đình, chị N đã cho anh M nhiều cơ hội nhưng anh M vẫn không thay đổi (thể hiện biên bản lấy lời khai bút lục số 16,17). Hiện chị N đã dẫn con về nhà mẹ ruột ở hai tháng nay. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 26/5/2020, anh M đồng ý ly hôn với chị N nhưng do anh M theo đạo Công giáo nên không ký thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị N và anh M đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, lý do anh M trình bày theo đạo công giáo nên không đồng ý ly hôn là không có cơ sở. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Dương Thị Kim N là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 tuyên xử cho chị N được ly hôn với anh M.

[3.2] Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ còn nhỏ (03 tuổi 02 tháng), là con gái nên giao cháu Đ cho chị N nuôi dưỡng sẽ đảm bảo trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cả về vật chất và tin thần. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M cũng trình bày đồng ý giao cháu Đ cho chị N nuôi dưỡng (Bút lục 14). Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N là giao cháu Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày: 09/4/2017 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi; chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Thị Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh M.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Linh Đ, sinh ngày 09/4/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

*Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.*

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Chị Dương Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0006819 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (28/7/2020); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã P;
- UBND xã T  
(số 48 ngày 28/9/2016).
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Tịnh**



